

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 151/2020/DS-ST

Ngày: 23 – 9 – 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Quang

Ông Hồ Thanh Tùng

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Khu vực TH, phường BT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

- Bị đơn: Bà Trần Thị Trúc M, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Khu vực BTB, phường BT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Võ Thị Kim L trình bày: Vào năm 2018, 2019 bà có cho bà Trần Thị Trúc M vay tiền nhiều lần, đến ngày 8/8/2019 (âm lịch) bà và bà M làm biên nhận nợ chót lại bà M còn nợ bà L là 160.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mỗi ngày bà M phải trả số tiền vốn và lãi là 500.000 đồng/ngày, nhưng cuối cùng bà M không thực hiện, vì vậy bà L khởi kiện bà M ra Tòa án. Tại biên bản hòa

giải của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ ngày 24/02/2020 thì bà M đồng ý góp mỗi ngày cho bà L 100.000 đồng cho đến khi hết nợ, bà L cũng đồng ý nên rút đơn khởi kiện để đỡ tốn tiền án phí cho bà M. Tuy nhiên sau khi vụ án được đình chỉ thì bà M chỉ góp được 3.190.000 đồng, còn lại 156.510.000 đồng đến nay không trả tiếp. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền còn nợ 156.510.000 đồng trong thời gian sớm nhất và không yêu cầu Tòa án tính lãi suất chậm trả trong quá trình xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị Trúc M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành trích lục lời khai của bà Trần Thị Trúc M tại biên bản hòa giải vào ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, thì bà M cũng thừa nhận có vay tiền của bà L nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Sau đó bà M và bà L có làm biên nhận nợ chốt lại số tiền vốn và lãi chị M còn nợ là 160.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải bà M và bà L thỏa thuận góp mỗi ngày 100.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản” theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Thị Trúc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cô tình vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Từ năm 2018 đến năm 2019 bà M có vay tiền của bà L nhiều lần, đến ngày 08/8/2019 (al) thì hai bên chốt lại số tiền bà M còn nợ của bà L là 160.000.000 đồng, sau đó bà M có trả được 3.190.000 đồng, còn lại 156.510.000 đồng đến nay không trả, nên hai bên phát sinh tranh chấp.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào sự thừa nhận của bị đơn Trần Thị Trúc M về việc vay tiền và còn nợ lại của bà L số tiền 160.000.000 đồng (theo biên bản hòa giải ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ) và biên nhận nợ gốc do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bà M, Hội đồng xét xử xác định việc bị đơn Trần Thị Trúc M có vay tiền của bà L là đúng sự thật, đây là ₂ tính tiết sự kiện không cần chứng minh

theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn cố tình vắng mặt xem như bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn Võ Thị Kim L cho rằng bà M có trả được 3.190.000 đồng, còn lại 156.510.000 đồng, lời trình bày trên của nguyên đơn có lợi cho phía bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm thiệt thòi đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó việc nguyên đơn Võ Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Trúc M trả số tiền còn nợ 156.510.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3.2] Về lãi suất chậm trả: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả trong quá trình xét xử sơ thẩm nên không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Trần Thị Trúc M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Kim L.

Buộc bị đơn Trần Thị Trúc M phải trả cho nguyên đơn Võ Thị Kim L số tiền 156.510.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Thị Trúc M phải chịu số tiền 7.825.000 đồng (*Bảy triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Nguyên đơn Võ Thị Kim L được nhận lại 3.900.000 đồng. (*Ba triệu chín trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000357 phiếu lập ngày 24 tháng 4 năm 2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/9/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi bị đơn cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- CCTHADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

đã ký

Đào Thị Thủy